

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÙNG VƯƠNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>                         | <b><u>TRANG</u></b> |
|--|---------------------|
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT | 1                   |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT                   | 2                   |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÓM TẮT   | 3                   |
| CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN                  | 4                   |

Số: 047 /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương**

Báo cáo tài chính tóm tắt, được lập ngày 05 tháng 03 năm 2021 và được trình bày từ trang 2 đến trang 4 bao gồm Bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trích từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương (“Công ty”) đã được kiểm toán và các chỉ tiêu tài chính cơ bản được tính toán dựa trên số liệu của các báo cáo này. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính đầy đủ này tại báo cáo kiểm toán lập ngày 05 tháng 03 năm 2021. Báo cáo tài chính đầy đủ và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán của Công ty.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tóm tắt của Công ty theo các quy định tại Khoản 1, Điều 35, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

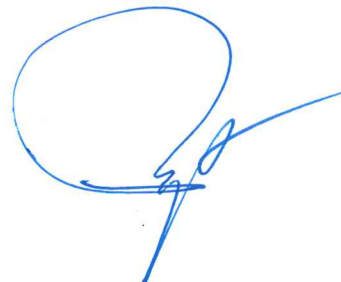
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm Toán Việt Nam số 810 - “Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt”.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt, được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán, đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán, phù hợp với các quy định tại Khoản 1, Điều 35, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.



**Lê Xuân Thăng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0043-2016-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2021




**Ngô Tiên Thành**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3754-2021-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

| STT        | Chỉ tiêu  | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|------------|---|------------------------|------------------------|
| <b>I</b>   | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                                 | <b>424.499.409.254</b> | <b>274.661.233.574</b> |
| 1          | Tiền và các khoản tương đương tiền                      | 6.598.318.907          | 5.228.386.470          |
| 2          | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn                     | 325.676.608.791        | 174.336.609.857        |
| 3          | Các khoản phải thu ngắn hạn                             | 45.068.063.535         | 43.665.644.977         |
| 4          | Hàng tồn kho  | 89.381.000             | 50.322.500             |
| 5          | Tài sản ngắn hạn khác                                   | 21.934.884.939         | 26.463.457.556         |
| 6          | Tài sản tái bảo hiểm                                    | 25.132.152.082         | 24.916.812.214         |
|            | 1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm                     | 19.545.788.289         | 22.837.642.385         |
|            | 2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm              | 5.586.363.793          | 2.079.169.829          |
| <b>II</b>  | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                                  | <b>36.786.023.046</b>  | <b>208.724.472.351</b> |
| 1          | Các khoản phải thu dài hạn                              | 6.694.482.240          | 6.126.569.440          |
| 2          | Tài sản cố định   | 3.396.753.774          | 4.408.127.231          |
|            | Tài sản cố định hữu hình                                | 3.073.771.673          | 3.854.823.694          |
|            | Tài sản cố định vô hình                                 | 322.982.101            | 553.303.537            |
| 3          | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn                      | 25.002.200.000         | 183.200.000.000        |
| 4          | Tài sản dài hạn khác                                    | 1.692.587.032          | 14.989.775.680         |
| <b>III</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                                | <b>461.285.432.300</b> | <b>483.385.705.925</b> |
| <b>IV</b>  | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                                      | <b>138.239.487.353</b> | <b>165.086.139.822</b> |
| 1          | Nợ ngắn hạn   | 135.274.782.152        | 162.314.702.235        |
|            | Trong đó:   |                        |                        |
|            | Dự phòng nghiệp vụ                                      | 94.690.594.178         | 108.467.386.423        |
|            | - Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm        | 51.794.332.436         | 75.624.642.125         |
|            | - Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 29.984.291.902         | 20.818.668.688         |
|            | - Dự phòng dao động lớn                                 | 12.911.969.840         | 12.024.075.610         |
| 2          | Nợ dài hạn  | 2.964.705.201          | 2.771.437.587          |
| <b>V</b>   | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                   | <b>323.045.944.947</b> | <b>318.299.566.103</b> |
| 1          | Vốn đầu tư của chủ sở hữu                               | 300.000.000.000        | 300.000.000.000        |
| 2          | Thặng dư vốn cổ phần                                    | 7.061.113.274          | 7.061.113.274          |
| 3          | Cổ phiếu quỹ  | (5.339.500.000)        | (5.339.500.000)        |
| 4          | Quỹ đầu tư phát triển                                   | 1.291.917.198          | 1.291.917.198          |
| 5          | Quỹ dự phòng tài chính                                  | 127.783.663            | 127.783.663            |
| 6          | Quỹ dự trữ bắt buộc                                     | 5.627.486.648          | 5.390.167.706          |
| 7          | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                       | 14.277.144.164         | 9.768.084.262          |
| <b>VI</b>  | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                              | <b>461.285.432.300</b> | <b>483.385.705.925</b> |

  
Châu Tuấn  
Người lập biểu  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2021

  
Nguyễn Thị Quỳnh Nga  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÓM TẮT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

| STT | Chỉ tiêu  | Năm nay          | Năm trước       |
|-----|---|------------------|-----------------|
| 1   | Tổng doanh thu  |                  |                 |
|     | Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm | 124.718.543.330  | 137.373.055.210 |
|     | Doanh thu về hoạt động tài chính  | 28.044.743.929   | 26.324.718.545  |
|     | Doanh thu khác  | 238.294.299      | 182.682.867     |
| 2   | Tổng chi phí  |                  |                 |
|     | Chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm   | 109.062.426.867  | 95.941.186.543  |
|     | Chi phí hoạt động tài chính   | (12.413.239.977) | 14.737.717.554  |
|     | Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 50.748.929.263   | 48.873.797.325  |
|     | Chi phí khác  | 339.638.291      | 8.699.338       |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế  | 5.263.827.114    | 4.319.055.862   |
| 4   | Thuế thu nhập phải nộp  | 517.448.270      | 566.936.658     |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế  | 4.746.378.844    | 3.752.119.204   |

**Châu Tuấn**  
Người lập biểu  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2021

**Nguyễn Thị Quỳnh Nga**  
Kê toán trưởng



**Nguyễn Anh Tuấn**  
Tổng Giám đốc

**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

| STT      | Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Năm nay | Năm trước |
|----------|---|-------------|---------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Cơ cấu tài sản</b>   |             |         |           |
|          | - Tài sản cố định/Tổng tài sản  | %           | 7,97    | 43,18     |
|          | - Tài sản lưu động/Tổng tài sản   | %           | 92,03   | 56,82     |
| <b>2</b> | <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>   |             |         |           |
|          | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn  | %           | 29,97   | 34,15     |
|          | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn   | %           | 70,03   | 65,85     |
| <b>3</b> | <b>Khả năng thanh toán</b>  |             |         |           |
|          | - Khả năng thanh toán nhanh   | Lần         | 3,14    | 1,69      |
|          | - Khả năng thanh toán hiện hành   | Lần         | 3,14    | 1,69      |
| <b>4</b> | <b>Tỷ suất lợi nhuận</b>  |             |         |           |
|          | - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản                                   | %           | 1,14    | 0,89      |
|          | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm | %           | 3,81    | 2,73      |
|          | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu                             | %           | 1,47    | 1,18      |

Châu Tuấn  
Người lập biểu  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thị Quỳnh Nga  
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

